

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy tắc chỉ số cổ phiếu kinh tế tư nhân tăng trưởng “Vietnam Private Growth Index” phiên bản 1.0

CHỦ TỊCH CÔNG TY

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-HĐTV ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác các chỉ số chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con;

Căn cứ Công văn số 1240/SGDVN-CLPT ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc chấp thuận và phân quyền ban hành Quy tắc chỉ số cổ phiếu kinh tế tư nhân tăng trưởng VNPRIVGRO Index;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy tắc chỉ số cổ phiếu kinh tế tư nhân tăng trưởng “Vietnam Private Growth Index” phiên bản 1.0.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Điều 3. Ban Điều hành, Giám đốc phòng Thông tin thị trường, Giám đốc các đơn vị thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN, VNX (để báo cáo);
- Lưu: VT, TTTT (5.).

phuu

Q. CHỦ TỊCH CÔNG TY



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HOCHIMINH
STOCK EXCHANGE

QUY TẮC CHỈ SỐ CỔ PHIẾU
KINH TẾ TƯ NHÂN TĂNG TRƯỞNG
VIETNAM PRIVATE GROWTH INDEX

Phiên bản 1.0

(Kèm theo Quyết định số 749/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 9 năm 2026 của
Chủ tịch công ty Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)



Thành phố Hồ Chí Minh

Tháng 9 - 2026

MỤC LỤC

1.	GIỚI THIỆU CHUNG	4
2.	QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHỈ SỐ.....	4
3.	ĐỊNH NGHĨA ÁP DỤNG	5
4.	SÀNG LỌC RỎ CHỈ SỐ ĐỊNH KỲ	5
5.	CÁC ĐIỀU CHỈNH TRONG KỲ ĐỐI VỚI RỎ CHỈ SỐ.....	6
6.	PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CHỈ SỐ	7
7.	THÔNG TIN LIÊN HỆ.....	9



LỊCH SỬ THAY ĐỔI QUY TẮC CHỈ SỐ

Phiên bản	Nội dung
1.0	- Quy định quy tắc chỉ số VNPRIVGRO.

1. GIỚI THIỆU CHUNG

- 1.1. Quy tắc Chỉ số cổ phiếu kinh tế tư nhân tăng trưởng (tên đầy đủ tiếng Anh là Vietnam Private Growth Index, tên viết tắt là Chỉ số VNPRIVGRO) được ban hành sau khi được Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (viết tắt là VNX) phê duyệt, quy định các quy tắc để làm cơ sở cho việc quản lý và vận hành chỉ số VNPRIVGRO hàng ngày của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là HOSE) theo phân quyền của VNX.
- 1.2. Quy tắc chỉ số này có thể được sửa đổi, bổ sung, hoặc hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ tại bất kỳ thời điểm nào. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ các quy tắc có thể dẫn đến những thay đổi trong việc xây dựng và quản lý chỉ số hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ số.
- 1.3. Quyền sở hữu trí tuệ đối với Quy tắc này và chỉ số bao gồm tên, thành phần và việc tính toán chỉ số thuộc về VNX, HOSE. Ngoại trừ các trường hợp không phải xin phép và trường hợp ngoại lệ theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ, việc sao chép một phần hay toàn bộ Quy tắc chỉ số này mà chưa có sự cho phép của VNX hoặc HOSE đều bị coi là xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.
- 1.4. Ngoại trừ các nội dung được nêu cụ thể tại Quy tắc chỉ số này, tất cả những nội dung liên quan được thực hiện theo quy định tại Quy tắc chung cho các chỉ số chứng khoán tại HOSE (Quy tắc chỉ số chung của HOSE).

2. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHỈ SỐ

- 2.1. Chỉ số VNPRIVGRO là chỉ số đầu tư, bao gồm 30 cổ phiếu thành phần được lựa chọn từ danh sách cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllshare và đáp ứng các tiêu chí sàng lọc chỉ số.
- 2.2. Chỉ số giá VNPRIVGRO được tính toán dựa trên giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh tỷ lệ free-float và có áp dụng giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu (đối với cổ phiếu đơn lẻ, nhóm cổ phiếu có liên quan và nhóm cổ phiếu cùng ngành) và giới hạn trọng số tăng trưởng của cổ phiếu.
Chỉ số giá được tính toán theo thời gian thực và công bố 5 giây/lần vào tất cả các ngày giao dịch.
- 2.3. Chỉ số tổng thu nhập VNPRIVGRO TRI được tính toán dựa trên chỉ số gốc là Chỉ số giá VNPRIVGRO, thể hiện biến động giá và giá trị cổ tức của các cổ phiếu thành phần được tái đầu tư vào chỉ số.
Chỉ số tổng thu nhập được tính toán một lần và công bố vào thời điểm cuối ngày giao dịch.
- 2.4. Điểm cơ sở của chỉ số là 1.000. Ngày cơ sở của chỉ số là ngày 13/11/2026.

2.5. Danh mục cổ phiếu thành phần của chỉ số (rổ chỉ số) được:

- Xem xét định kỳ bán niên vào kỳ tháng 1 và tháng 7.
- Cập nhật thông tin (tỷ lệ free-float, khối lượng lưu hành tính chỉ số, giới hạn tỷ trọng vốn hóa, giới hạn trọng số tăng trưởng của cổ phiếu, danh mục cổ phiếu thành phần (nếu có)) hàng quý vào kỳ tháng 1, tháng 4, tháng 7 và tháng 10.

Tham khảo quy định chi tiết về **Ngày chốt dữ liệu**, **Ngày công bố kết quả** và **Ngày hiệu lực** của các kỳ xem xét định kỳ/cập nhật thông tin tại Mục **Định nghĩa áp dụng** Quy tắc chỉ số chung của HOSE.

3. ĐỊNH NGHĨA ÁP DỤNG

- Rổ chỉ số VNAllshare là danh sách cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllshare được xác định tại kỳ xem xét định kỳ gần nhất theo Quy tắc chỉ số VNAllshare.
- Giá trị vốn hóa (GTVH), Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float (GTVH_f), Tỷ lệ free-float (f), Giá trị giao dịch khớp lệnh (GTGD_KL), Khối lượng giao dịch khớp lệnh (KLGD_KL), Khối lượng cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông nhà nước, Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành, chuẩn phân ngành GICS®: tham khảo **Định nghĩa áp dụng** tại Quy tắc chỉ số chung của HOSE.
- Cổ phiếu được xác định thuộc nhóm cổ phiếu cùng ngành theo phân ngành cấp 2 thuộc chuẩn phân ngành GICS®.
- Tỷ lệ sở hữu nhà nước của cổ phiếu được tính theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ sở hữu nhà nước} = \frac{\text{Khối lượng cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông nhà nước}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

4. SÀNG LỌC RỔ CHỈ SỐ ĐỊNH KỲ

4.1. Các bước sàng lọc rổ chỉ số định kỳ

Bước 1: Từ rổ chỉ số VNAllshare, chọn các cổ phiếu có tỷ lệ free-float (chưa làm tròn) > 10% và thỏa mãn một trong hai điều kiện sau:

- o $GTGD_KL \geq 15$ tỷ đồng/ngày và $KLGD_KL \geq 200.000$ cổ phiếu/ngày (đối với cổ phiếu thuộc rổ chỉ số của kỳ liền trước); *hoặc*
- o $GTGD_KL \geq 20$ tỷ đồng/ngày và $KLGD_KL \geq 300.000$ cổ phiếu/ngày (đối với cổ phiếu không thuộc rổ chỉ số của kỳ liền trước)

Bước 2: Từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 1, chọn các mã cổ phiếu có tỷ lệ sở hữu nhà nước (chưa làm tròn) $\leq 15\%$.

Bước 3: Từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 2, chỉ giữ lại tối đa 8 mã cổ phiếu có GTVH_f lớn nhất của mỗi ngành.

Trường hợp tập hợp cổ phiếu chưa đủ số lượng tối thiểu là 40, lựa chọn thêm các cổ phiếu từ danh sách cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 1 theo thứ tự tăng dần về tỷ lệ sở hữu nhà nước (chưa làm tròn) cho đến khi đạt đủ số lượng tối thiểu, ưu tiên cổ phiếu có GTVH_f lớn hơn khi tỷ lệ sở hữu nhà nước (chưa làm tròn) bằng nhau và đảm bảo sau Bước 3 chỉ có tối đa 8 mã cổ phiếu của mỗi ngành.

Bước 4: Sắp xếp các mã cổ phiếu thỏa mãn điều kiện sau Bước 3 theo GTVH_f giảm dần (ưu tiên cổ phiếu có GTGD_KL cao hơn khi GTVH_f bằng nhau) và xác định rõ chỉ số chính thức và rõ chỉ số dự phòng như sau:

Rõ chỉ số chính thức:

- Cổ phiếu đứng ở vị trí 1 đến 25: chọn vào rõ chỉ số chính thức.
- Cổ phiếu đứng ở vị trí 26 đến 40: ưu tiên cổ phiếu thuộc rõ chỉ số kỳ liên trước, sau đó mới xét đến cổ phiếu mới sao cho số lượng cổ phiếu trong rõ chỉ số bằng 30 cổ phiếu.

Rõ chỉ số dự phòng:

- Chọn 10 cổ phiếu có GTVH_f lớn nhất sau khi xác định rõ chỉ số chính thức vào rõ chỉ số dự phòng.
- Cổ phiếu sẽ bị loại khỏi rõ chỉ số dự phòng nếu trong kỳ cổ phiếu rơi vào diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, diện kiểm soát, hạn chế giao dịch, tạm ngừng giao dịch (*ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện các sự kiện doanh nghiệp như việc tách/gộp cổ phiếu, chia tách/sáp nhập, ... dưới 30 ngày giao dịch*), đình chỉ giao dịch, cổ phiếu bị hủy bỏ niêm yết.
- Cổ phiếu bị loại khỏi rõ chỉ số dự phòng sẽ không được thay thế.

4.2. Cập nhật rõ chỉ số trước Ngày hiệu lực

Rõ chỉ số sẽ tiếp tục được cập nhật, loại các cổ phiếu theo quy định **Cập nhật rõ chỉ số trước Ngày hiệu lực** tại Quy tắc chỉ số chung của HOSE.

Việc thay thế cổ phiếu bị loại sẽ tiến hành tương tự việc điều chỉnh trong kỳ quy định tại Mục 5.2 Quy tắc này.

5. CÁC ĐIỀU CHỈNH TRONG KỲ ĐỐI VỚI RÕ CHỈ SỐ

5.1. Rõ chỉ số sẽ được điều chỉnh trong kỳ khi thuộc các trường hợp **Điều chỉnh trong kỳ đối với rõ chỉ số** theo quy định tại Quy tắc chỉ số chung của HOSE.

5.2. Cổ phiếu bị loại khỏi rõ chỉ số sẽ được thay thế bằng cổ phiếu có thứ tự xếp hạng cao nhất trong rõ chỉ số dự phòng đã xác định tại Mục 4.1 Quy tắc này.

6. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN CHỈ SỐ

6.1. Chỉ số giá VNPRIVGRO và chỉ số tổng thu nhập VNPRIVGRO TRI được tính toán theo *Phương pháp tính toán chỉ số giá* và *Phương pháp tính toán chỉ số tổng thu nhập* được quy định tại Quy tắc chỉ số chung của HOSE.

6.2. Giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu (c)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu được tính theo quy định *Giới hạn tỷ trọng vốn hóa của cổ phiếu (c)* tại Quy tắc chỉ số chung của HOSE.

Áp dụng ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu thành phần chỉ số:

- Đối với một cổ phiếu đơn lẻ là 10%.
- Đối với nhóm cổ phiếu có liên quan là 15%.
- Đối với nhóm các cổ phiếu cùng ngành (thuộc cùng một phân ngành cấp 2 theo chuẩn phân ngành GICS®) là 40%.

6.3. Giới hạn trọng số của cổ phiếu (g)

Giới hạn trọng số của cổ phiếu i (g_i) là giới hạn trọng số tăng trưởng của cổ phiếu i hay còn gọi là hệ số điều chỉnh dựa trên hiệu quả tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp nhằm ưu tiên các cổ phiếu có tăng trưởng EPS và ROE tốt hơn trong rổ chỉ số, được xác định theo các bước sau:

Bước 1: Tính Tăng trưởng EPS lịch sử và ROE bình quân của cổ phiếu theo các công thức sau:

$$\text{Tăng trưởng EPS lịch sử (\%)} = \frac{1}{n} \sum_{i=1}^n \left(\frac{EPS_{n-i+1} - EPS_{n-i}}{EPS_{n-i}} \right) \times 100$$

Trong đó:

- Tăng trưởng EPS lịch sử được tính theo số liệu EPS của 4 năm liên tục gần nhất ($n = 3$).
- Trường hợp không đủ số liệu EPS của 4 năm liên tục gần nhất, sử dụng tối đa số liệu EPS hiện có để tính Tăng trưởng EPS lịch sử (tối thiểu là 2 năm liên tục gần nhất với $n = 1$).

$$\text{ROE bình quân} = \frac{1}{n} \sum_{i=1}^n ROE_i$$

Trong đó:

- ROE bình quân là trung bình cộng ROE của 3 năm liên tục gần nhất ($n = 3$).
- $ROE = \text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{Vốn chủ sở hữu bình quân trong năm} \times 100\%$
- Lợi nhuận sau thuế là lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất trong trường hợp doanh nghiệp là công ty mẹ; là lợi nhuận sau thuế được xác định tại báo cáo tài chính tổng hợp trong trường

hợp doanh nghiệp là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân.

- Vốn chủ sở hữu bình quân là bình quân vốn chủ sở hữu đầu kỳ và cuối kỳ, không bao gồm Nguồn kinh phí và quỹ khác được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp là công ty mẹ, vốn chủ sở hữu không bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp.

Đối với cổ phiếu không đủ số liệu để tính Tăng trưởng EPS lịch sử và/hoặc ROE bình quân, g là 85%.

Bước 2: Đối với các cổ phiếu có số liệu Tăng trưởng EPS lịch sử và ROE bình quân đã tính ở Bước 1, tính điểm z-score tổng hợp của cổ phiếu i như sau:

$$z - \text{score tổng hợp}_i = \frac{\text{Tăng trưởng EPS lịch sử } (\%)_i - \mu_{\text{EPS}}}{\sigma_{\text{EPS}}} + \frac{\text{ROE bình quân}_i - \mu_{\text{ROE}}}{\sigma_{\text{ROE}}}$$

Trong đó:

- Tăng trưởng EPS lịch sử $(\%)_i$ là giá trị Tăng trưởng EPS lịch sử $(\%)$ của cổ phiếu i.
- μ_{EPS} là giá trị Tăng trưởng EPS lịch sử $(\%)$ trung bình của toàn bộ cổ phiếu tại Bước 2 Mục 6.3 Quy tắc này.
- σ_{EPS} là độ lệch chuẩn được tính trên Tăng trưởng EPS lịch sử $(\%)$ của toàn bộ cổ phiếu tại Bước 2 Mục 6.3 Quy tắc này.
- ROE bình quân_i là ROE bình quân của cổ phiếu i.
- μ_{ROE} là giá trị ROE bình quân trung bình của toàn bộ cổ phiếu tại Bước 2 Mục 6.3 Quy tắc này.
- σ_{ROE} là độ lệch chuẩn được tính trên ROE bình quân của toàn bộ cổ phiếu tại Bước 2 Mục 6.3 Quy tắc này.

Bước 3: Xếp danh sách cổ phiếu theo thứ tự giảm dần của z-score tổng hợp đã tính tại Bước 2 và xác định g theo bảng dưới đây:

Vị trí cổ phiếu trong danh sách	g
Cổ phiếu ở vị trí thứ 1 đến 12	100%
Cổ phiếu ở vị trí thứ 13 đến 18	95%
Cổ phiếu ở vị trí thứ 19 đến 24	90%
Cổ phiếu ở vị trí thứ 25 đến 30	85%

7. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Để biết thêm thông tin về phương pháp xây dựng, tính toán chỉ số, dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số và cung cấp thông tin, vui lòng truy cập trang thông tin điện tử hoặc liên hệ phòng Thông tin thị trường – Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HOCHIMINH
STOCK EXCHANGE

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỊA CHỈ: SỐ 16, ĐƯỜNG VÕ VĂN KIẾT, PHƯỜNG BẾN THÀNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

SỐ ĐT: (84-28) 38 217 713, SỐ FAX: (84-28) 38 217 452

WEBSITE: <https://www.hsx.vn>

EMAIL: index@hsx.vn





HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH GIỚI HẠN TRỌNG SỐ CỦA CỔ PHIẾU

(Kèm theo Quyết định số 749 /QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch công ty Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

Ví dụ:

Tại Bước 1 Mục 6.3 Quy tắc này:

- Số liệu Tăng trưởng EPS lịch sử và ROE bình quân của 30 cổ phiếu thành phần đã được xác định tại **cột (2) và (3)** ở bảng bên dưới.
- 05 cổ phiếu S01, S02, S03, S04 và S05 do không có đủ số liệu Tăng trưởng EPS lịch sử (%), ROE bình quân nên $g = 85\%$.
- 25 cổ phiếu đủ số liệu Tăng trưởng EPS lịch sử (%) và ROE bình quân nên chuyển sang Bước 2 để tính z-score tổng hợp.

	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
STT	Mã cổ phiếu	Tăng trưởng EPS lịch sử (%)	ROE bình quân	z-score tổng hợp	g
1	S01	7,2	Không đủ số liệu	Không tính toán do không đủ số liệu Tăng trưởng EPS lịch sử và/hoặc ROE bình quân	85%
2	S02	Không đủ số liệu	12,3		85%
3	S03	5,8	Không đủ số liệu		85%
4	S04	Không đủ số liệu	6,7		85%
5	S05	Không đủ số liệu	Không đủ số liệu		85%
6	S06	40,8	18,3	1,839	100%
7	S07	13,9	26,9	1,721	100%
8	S08	17,5	24,0	1,496	100%
9	S09	49,1	11,7	1,332	100%
10	S10	4,2	27,0	1,265	100%
11	S11	17,8	21,7	1,194	100%
12	S12	45,6	10,3	0,970	100%
13	S13	9,9	22,2	0,880	100%



14	S14	41,7	10,8	0,850	100%
15	S15	-6,7	27,7	0,834	100%
16	S16	40,6	10,9	0,810	100%
17	S17	5,6	22,1	0,658	100%
18	S18	-0,1	20,9	0,216	95%
19	S19	5,8	18,5	0,171	95%
20	S20	0,9	15,1	-0,534	95%
21	S21	-5,0	17,0	-0,558	95%
22	S22	37,2	2,1	-0,567	95%
23	S23	20,8	7,5	-0,618	95%
24	S24	-8,0	15,5	-0,911	90%
25	S25	-11,7	16,6	-0,938	90%
26	S26	-13,1	12,7	-1,543	90%
27	S27	0,5	6,8	-1,698	90%
28	S28	-2,7	5,8	-1,991	90%
29	S29	-5,8	4,2	-2,361	90%
30	S30	-27,5	10,7	-2,517	85%
		$\mu_{EPS} = 10,9$	$\mu_{ROE} = 15,5$		
		$\sigma_{EPS} = 20,64169$	$\sigma_{ROE} = 7,25656$		

Tại Bước 2 Mục 6.3 Quy tắc này:

- Tính μ_{EPS} là giá trị Tăng trưởng EPS lịch sử (%) trung bình của 25 cổ phiếu:

$$\mu_{EPS} = (40,8 + 13,9 + 17,5 + \dots + (-2,7) + (-5,8) + (-27,5)) / 25 = 10,9$$

- Tính σ_{EPS} là độ lệch chuẩn được tính trên Tăng trưởng EPS lịch sử (%) của 25 cổ phiếu (N = 25):

$$\sigma_{EPS} = \sqrt{\frac{\sum_{i=1}^N (\text{Tăng trưởng EPS lịch sử } (\%)_i - \mu_{EPS})^2}{N}} = 20,64169$$

- Tính μ_{ROE} là giá trị ROE bình quân trung bình của 25 cổ phiếu:

$$\mu_{ROE} = (18,3 + 26,9 + 24,0 + \dots + 5,8 + 4,2 + 10,7) / 25 = 15,5$$

- Tính σ_{ROE} là độ lệch chuẩn được tính trên ROE bình quân của 25 cổ phiếu ($N = 25$):

$$\sigma_{ROE} = \sqrt{\frac{\sum_{i=1}^N (ROE \text{ bình quân}_i - \mu_{ROE})^2}{N}} = 7,25656$$

- Tính điểm z-score tổng hợp của cổ phiếu S06 và tương tự cho 24 cổ phiếu còn lại (S07, S08, ..., S30) để được số liệu z-score tổng hợp tại **cột (4)** như sau:

$$\begin{aligned} \text{z-score tổng hợp}_{S06} &= \frac{\text{Tăng trưởng EPS lịch sử (\%)}_{S06} - \mu_{EPS}}{\sigma_{EPS}} + \frac{ROE \text{ bình quân}_{S06} - \mu_{ROE}}{\sigma_{ROE}} \\ &= \frac{40,8 - 10,9}{20,64169} + \frac{18,3 - 15,5}{7,25656} = 1,839 \end{aligned}$$

Tại Bước 3 Mục 6.3 Quy tắc này:

- Sắp xếp danh sách cổ phiếu theo thứ tự giảm dần của z-score tổng hợp đã tính và xác định g theo bảng tại Bước 3 Mục 6.3 Quy tắc này.

Lưu ý: không làm tròn các giá trị Tăng trưởng EPS lịch sử (%), ROE bình quân, μ_{EPS} , σ_{EPS} , μ_{ROE} , σ_{ROE} và z-score tổng hợp trong quá trình tính toán.

